



Các Hiệp định thương mại tự do

+ + + + +

Cơ hội cho Doanh nghiệp Logistics Việt Nam



TS. Nguyễn Thị Thu Trang
Giám đốc Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

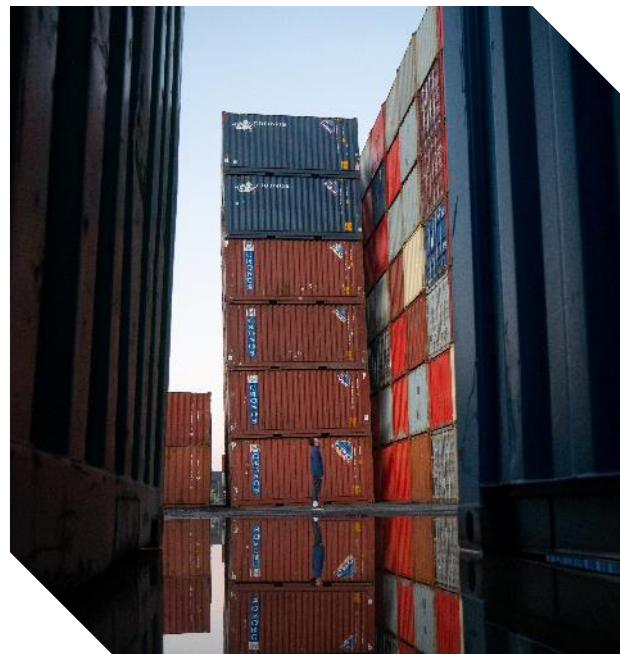
Các nội dung chính

+++

01 Các cơ hội thị trường từ các FTA

02 Các cơ hội hợp tác, đầu tư từ các FTA

03 Thách thức với DN logistics





Về các FTA của Việt Nam + + +

FTA?



Khía cạnh	Nội dung
Thương mại hàng hóa	Tự do phần lớn - Loại bỏ thuế quan - Giảm thiểu các hàng rào phi thuế
Thương mại dịch vụ - đầu tư	Tự do hơn - Mở cửa hơn (giảm bớt các điều kiện, hạn chế) cho nhà cung cấp dịch vụ - đầu tư nước ngoài - Đối xử tốt hơn với nhà cung cấp dịch vụ - đầu tư nước ngoài
Khác	Mới hơn, tiêu chuẩn cao hơn - Các vấn đề thương mại mới: Mua sắm công, DN Nhà nước... - Các vấn đề phi thương mại: Lao động, môi trường... - Các vấn đề quy tắc: sở hữu trí tuệ, cạnh tranh...





Các FTA của Việt Nam

STT	Tên FTA	Tình trạng	Các Bên
Các Hiệp định đang có hiệu lực			
1	AFTA	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	ACFTA	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	AKFTA	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	AJCEP	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	VJEPA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Australia , New Zealand
8	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chile
9	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	VN – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan
11	CPTPP	Có hiệu lực từ 14/01/2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Australia, Japan, Singapore, Brunei, Malaysia
12	AHKFTA	Có hiệu lực với Hong Kong (TQ), Lào, Myanmar, Thái Lan, Singapore and Việt Nam từ 11/06/2019	ASEAN, Hongkong (Trung Quốc)
13	EVFTA	Có hiệu lực từ 01/08/2020	Việt Nam, EU (27 nước thành viên)
14	UKVFTA	Có hiệu lực từ 01/01/2021	Việt Nam, Vương quốc Anh
Hiệp định đã ký, chưa có hiệu lực			
15	RCEP	Ký ngày 15/11/2020	ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand
Hiệp định đang đàm phán			
16	Vietnam - EFTA FTA	Đàm phán bắt đầu từ 5/2012	Việt Nam, Khối EFTA (Switzerland, Norway, Iceland, Liechtenstein)
17	Vietnam – Israel FTA	Đàm phán bắt đầu từ 12/2015	Việt Nam, Israel

01 Các FTA và Cơ hội thị trường cho doanh nghiệp logistics





Nguyên tắc

- Các đối tác FTA sẽ phải cam kết loại bỏ thuế quan đối với phần lớn hàng hóa của nhau
- Cam kết loại bỏ thuế của mỗi nước được nêu trong Biểu cam kết thuế quan của nước đó

Đặc điểm

- Mức độ cam kết loại bỏ thuế khác nhau giữa các FTA, giữa các đối tác của cùng FTA
- Cam kết loại bỏ thuế theo từng dòng thuế quan (HS 6 số), từng năm (ngay hoặc lộ trình)

Ý nghĩa

- Thuế quan giảm/loại bỏ khiến hàng hóa XNK có cơ hội cạnh tranh tốt hơn về giá, do đó tăng khối lượng XNK
- Tăng XK kích thích tăng NK nguyên phụ liệu để sản xuất hàng XK

Tổng hợp cam kết thuế quan của Việt Nam theo các FTA

STT	FTA	Thời điểm kết thúc lộ trình loại bỏ thuế quan	Tỷ lệ tự do hóa cuối lộ trình toàn Biểu thuế
1	ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)	2020	90% với các nước ASEAN 86% với Trung Quốc
2	ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA)	2021	86.3%
3	ASEAN – Nhật Bản (AJCEP)	2025	87%
4	Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA)	2026	90%
5	ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA)	2022	90%
6	ASEAN (ATIGA)	2018	98%
7	ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)	2024	69.71%
8	Việt Nam – Chile (VCFTA)	2029	88.55%
9	Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)	2029	89.7%
10	Việt Nam – Liên minh Á Âu (VN-EAEU FTA)	2027	87.1%
11	CPTPP	2034	97,8%
12	ASEAN – HongKong (AHKFTA)	2032	72%
13	EVFTA	2029	98,3%
14	UKVFTA	2029	98,3%

Ví dụ về cam kết thuế quan trong CPTPP và EVFTA



Cam kết thuế đối với hàng XK

Mức cam kết	EU-UK cam kết cho VN	Đối tác CPTPP cam kết cho VN
Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực	85,6% số dòng thuế	78-95% số dòng thuế
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	99,2% số dòng thuế	97-100% số dòng thuế
Lộ trình	Thường: 3-7 năm Nhạy cảm: Hạn ngạch thuế quan (0,8% số dòng thuế)	Thường: 5-10 năm Nhạy cảm: Trên 10 năm hoặc hạn ngạch thuế quan



Cam kết thuế đối với hàng NK

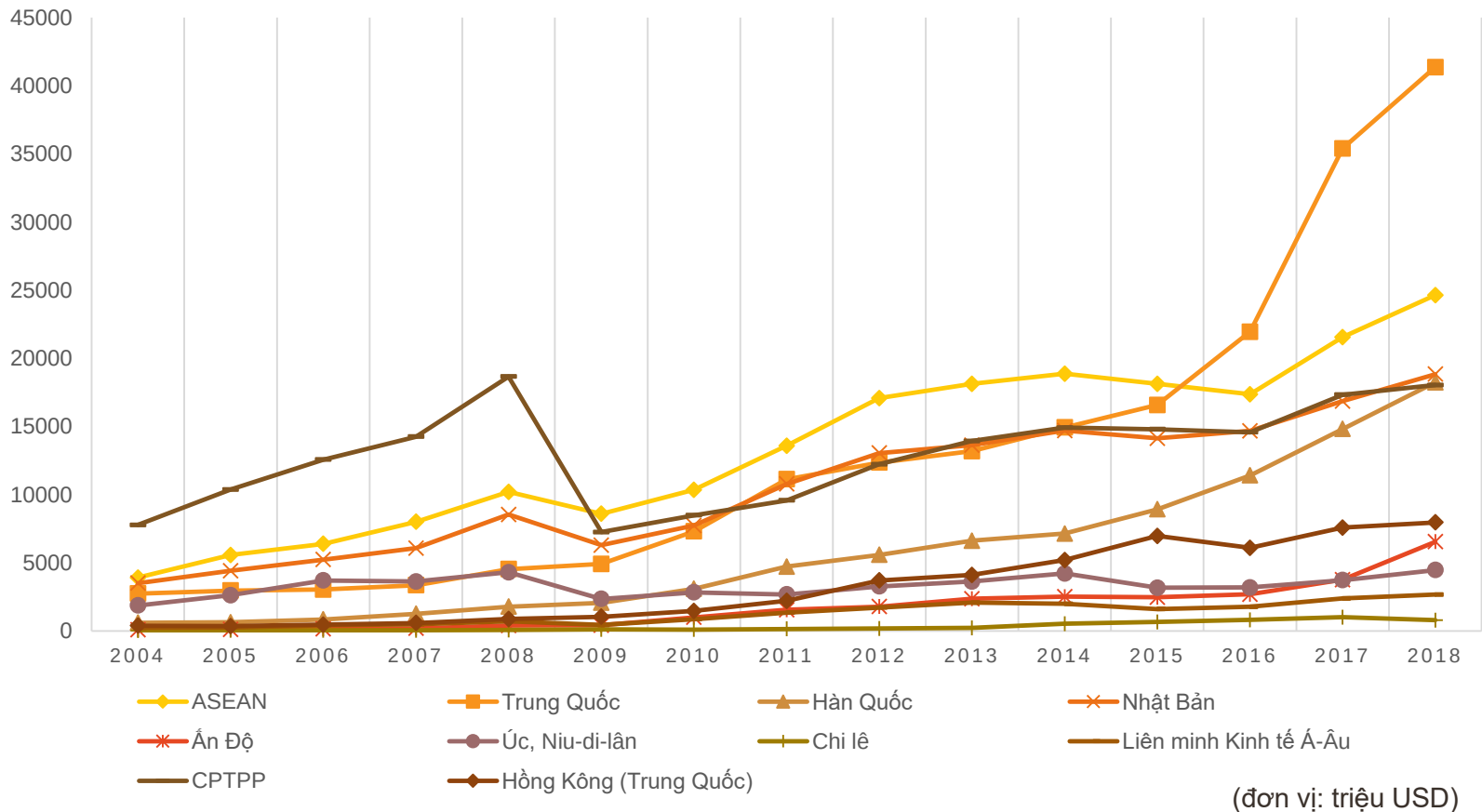
Mức cam kết	VN cam kết cho EU-UK	VN cam kết cho đối tác CPTPP
Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực	48,5% số dòng thuế	65,8% số dòng thuế
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	07 năm: 91,8% số dòng thuế 10 năm: 98,3% số dòng thuế	04 năm: 86,5% số dòng thuế 11 năm: 97,8% số dòng thuế
Lộ trình	Thường: 07-10 năm Nhạy cảm: - Hạn ngạch thuế quan hoặc - Không cam kết (một số dòng ô tô)	Thường: 4-11 năm Nhạy cảm: - Lộ trình 16 năm hoặc - Hạn ngạch thuế quan - Không cam kết (một số dòng ô tô)

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

Kim ngạch xuất khẩu từ VN sang Đối tác FTA

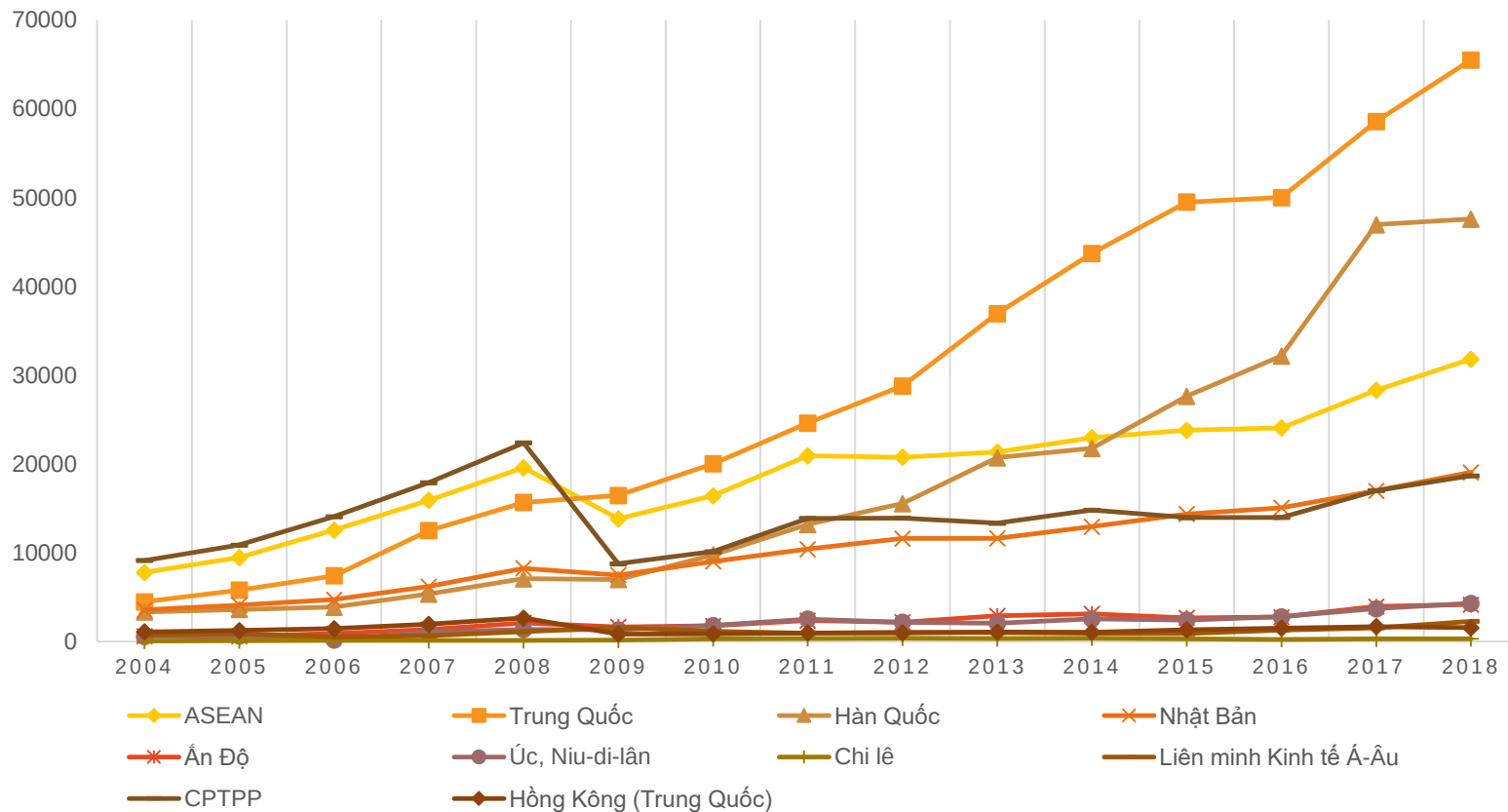


Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

Kim ngạch nhập khẩu từ đối tác FTA vào VN



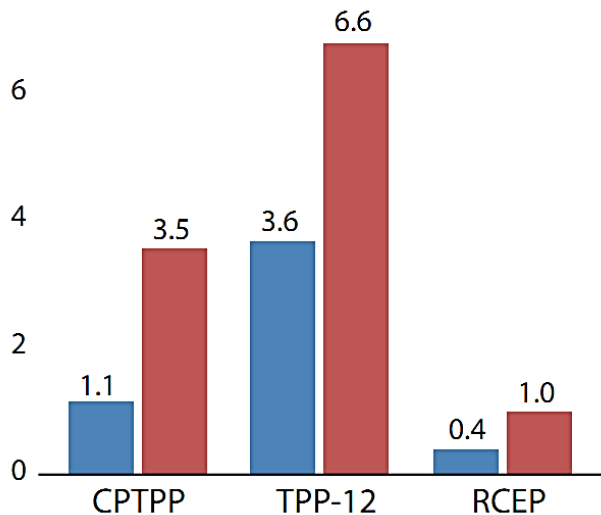
(đơn vị: triệu USD)



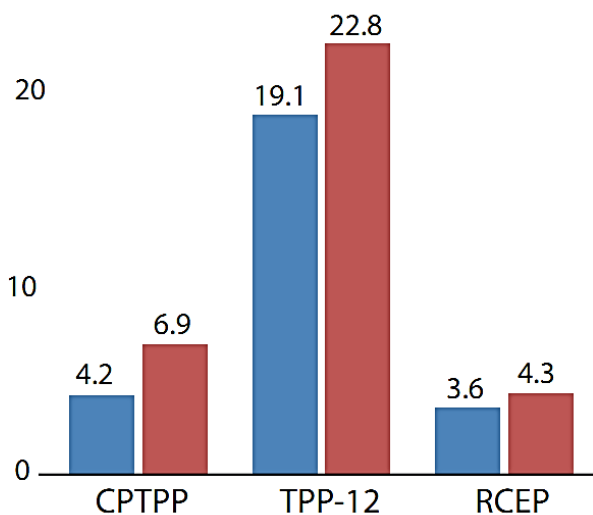
Dự báo về tác động gia tăng xuất nhập khẩu

World Bank dự báo về tác động CPTPP tới Việt Nam năm 2030

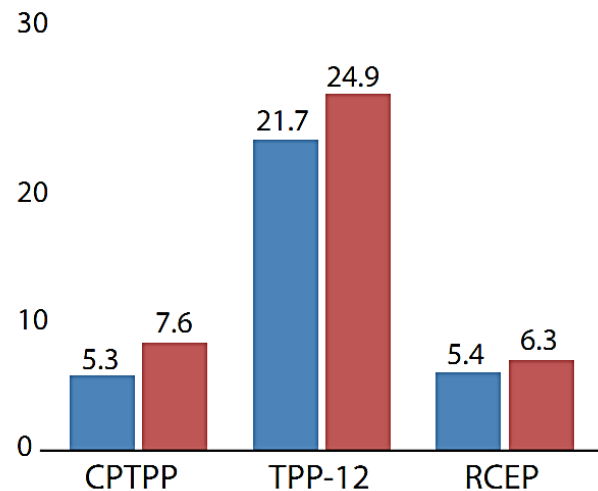
GDP



Xuất khẩu



Nhập khẩu



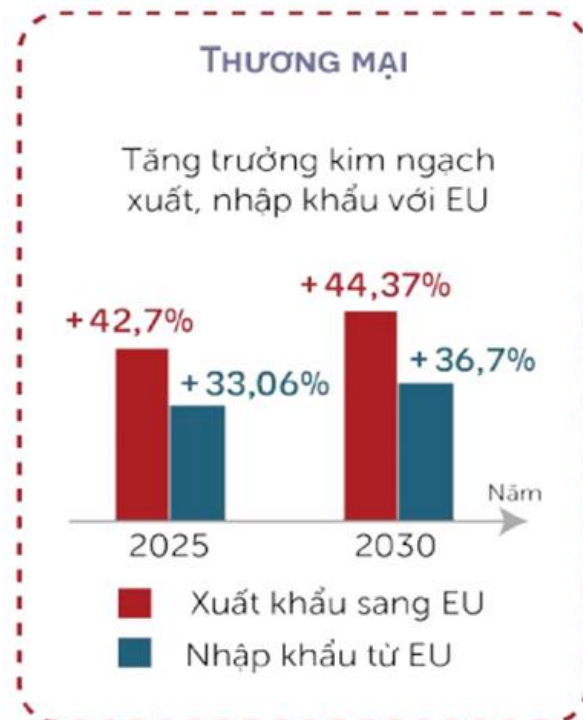
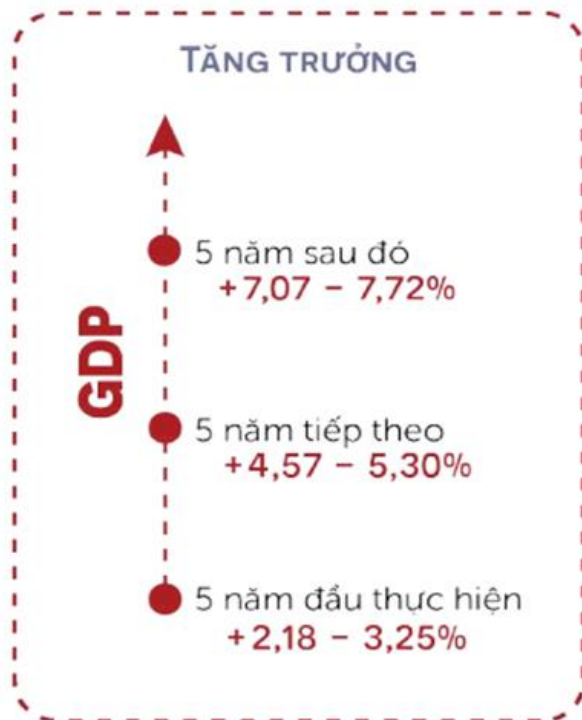
■ Bình thường ■ Kích thích tăng năng suất

Dự báo về tác động gia tăng xuất nhập khẩu (2)

Bộ KHĐT dự báo về
tác động của EVFTA
đối với Việt Nam



DỰ BÁO TÁC ĐỘNG VĨ MÔ



Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

+ + + Cản cứ 2 – Cam kết về quy tắc xuất xứ



Nguyên tắc

- Chỉ ưu đãi thuế cho hàng hóa đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ (QTXX)
- Mỗi FTA có bộ QTXX riêng: gồm QTXX chung, QTXX theo mặt hàng
- Mỗi FTA có cam kết riêng về thủ tục chứng nhận xuất xứ: Chứng nhận xuất xứ truyền thống, Tự chứng nhận xuất xứ

Ý nghĩa

- Chủ hàng có thể không biết về QTXX >>> Cơ hội cho DN logistics cung cấp dịch vụ tư vấn
- Chủ hàng có thể không tự thực hiện việc xin C/O >>> cơ hội cho DN logistics cung cấp dịch vụ thực hiện thủ tục xin C/O

Tỷ lệ tận dụng C/O ưu đãi theo các FTA của Việt Nam qua các năm



Hiệp định	Kim ngạch XK sử dụng C/O ưu đãi (tỷ USD)		Tổng kim ngạch XK (tỷ USD)		Tỷ lệ tận dụng ưu đãi FTA (%)												
	2019	2020	2019	2020	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012-2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
ASEAN (Mẫu D)	8,866	8,974	25,208	23,132	7,1	9,4	12,8	11,4	14,1	20,2	-	24,2	30	30	34	35,17	38,8
ACFTA (Mẫu E)	13,076	15,522	41,414	48,905	8,9	6,3	9,8	21,7	25,2	23,1	-	32,2	31	26	29	31,57	31,7
AKFTA (Mẫu AK) VKFTA (Mẫu VK)	9,82	9,954	19,72	19,107				79,05	65,8	90,8	-	59,6	56	51	35	49,78	52,1
AANZFTA (Mẫu AANZ)	1,54	1,657	4,037	4,119					8,9	15,9	-	28,1	34	33	34	38,16	40,2
AJCEP (Mẫu AJ) VJEP (Mẫu VJ)	7,78	7,3176	20,41	19,284				27,8	30,5	31,2	-	34	35	35	30	38,11	37,9
VCFTA (Mẫu VC)	0,637	0,6665	0,94	1,018							-	56,9	64	69	67	67,72	65,5
AIFTA (Mẫu AI)	4,347	3,666	6,674	5,235					2,4	7,4	-	32	43	48	72	65,13	70
VN – EAEU FTA (Mẫu EAV)	0,827	0,907	2,667	3,066							-		6	22	28	31	29,6
Lào (Mẫu S)	0,067	0,065	0,7	0,572							-		10	10	10	9,59	11,4
Campuchia (Mẫu X)	0,0023	0	4,362	4,149							-		0	0	0,02	0,01	0
CPTPP (Mẫu CPTPP)	0,573	1,367	34,388	33,99												1,67	4
VN-Cuba (Mẫu VN-CU)		0,0005		0,09998													0,5
Tổng cộng	47,549	52,758	127,814	159,519									36	34	39	37,2	33,1

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

+ + +

Căn cứ 3 – Cam kết về thương mại điện tử và mua bán hàng hóa xuyên biên giới



Cam kết

- ✓ Cam kết không đánh thuế xuất nhập khẩu đối với giao dịch điện tử
- ✓ Người kinh doanh online:
 - Được phép chuyển thông tin điện tử qua biên giới;
 - Không bị buộc phải đặt máy chủ ở VN hoặc sử dụng máy chủ đặt tại VN
- ✓ Người tiêu dùng online:
 - Được mua hàng từ các sàn thương mại điện tử nước ngoài phục vụ tiêu dùng cá nhân (trừ 1 số loại sản phẩm đặc thù như sách báo, dược phẩm, xăng dầu...)
 - Được bảo đảm quyền tiếp cận và sử dụng dịch vụ, app mà mình lựa chọn
 - Được bảo vệ khỏi các hành vi gian lận, lừa đảo; được bảo vệ thông tin cá nhân

Ý nghĩa

Nền tảng chính sách cho thương mại điện tử thuận lợi
>>> Giao dịch thương mại điện tử gia tăng >>> Tăng cầu dịch vụ logistics

Cơ hội thị trường

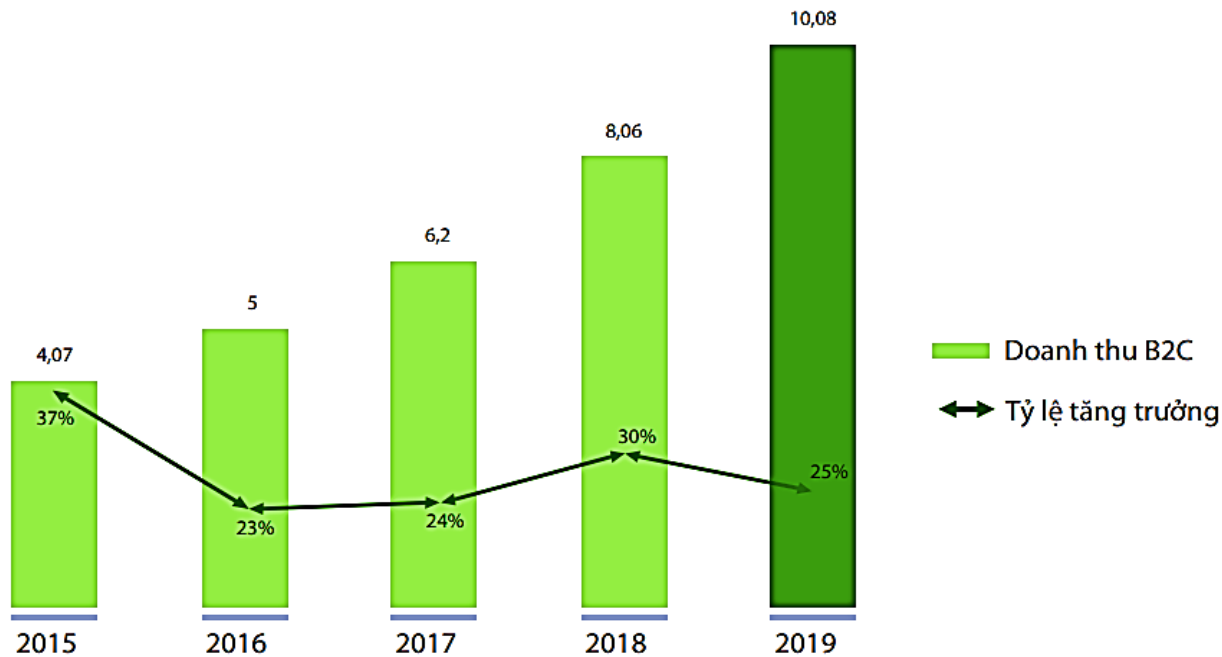
Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam 2020

Cục thương mại điện tử và kinh tế số - Bộ Công Thương

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TMĐT B2C VIỆT NAM



Doanh thu TMĐT B2C Việt Nam năm 2015 – 2019 (tỷ USD) ²¹

+ + +

Căn cứ 4 – Cam kết về mua sắm công



Cam kết

- Các đối tác CPTPP, EU(27) và Vương quốc Anh cam kết mở cửa thị trường mua sắm công
- Việt Nam cam kết mở cửa thị trường mua sắm công cho đối tác CPTPP, EU(27), Vương quốc Anh

Ý nghĩa

Việc nhà thầu nước này tham gia và trúng thầu mua sắm công ở nước khác dẫn tới nhu cầu vận chuyển qua biên giới

- Hàng hóa (cho gói thầu mua sắm hàng hóa)
- Máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ việc thực hiện hợp đồng (ví dụ cho gói thầu xây lắp hoặc thiết bị đi kèm dịch vụ)

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

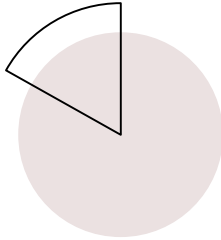
Thị trường mua sắm công lớn bao nhiêu?

(UNEP, 2017)

+

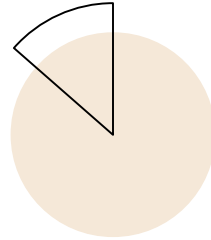
+

+



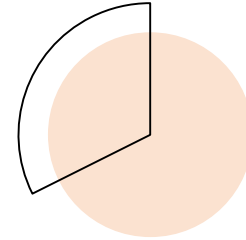
15% GDP

**Trung bình
các nước**



12% GDP

**Các nước
OECD**



30% GDP

**Nhiều nước
đang phát triển**

+

+

+

➡ Cơ hội thị trường ➡ Cơ hội đầu tư, kinh doanh ➡ Thách thức

+ + +

Căn cứ 5 – Cam kết mở cửa dịch vụ-đầu tư



Căn cứ

- Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ - sản xuất của VN trong các FTA: rộng hơn, thuận lợi hơn >> Thu hút FDI từ các đối tác FTA
- Các FTA khiến thị trường VN hấp dẫn >> thu hút FDI từ tất cả các đối tác
- Cộng hưởng với tình hình dịch chuyển sản xuất dưới tác động của COVID-19 >> gia tăng đầu tư FDI vào VN

Ý nghĩa

- FDI mới thành lập hoặc mở rộng >>> Nhu cầu vận chuyển máy móc thiết bị, tài sản cố định phục vụ hình thành cơ sở sản xuất kinh doanh
- FDI hoạt động >>> Nhu cầu vận chuyển nguyên phụ liệu, sản phẩm XNK

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

+ + + Hỏi & Đáp



02

Các FTA và Cơ hội đầu tư, kinh doanh cho doanh nghiệp logistics



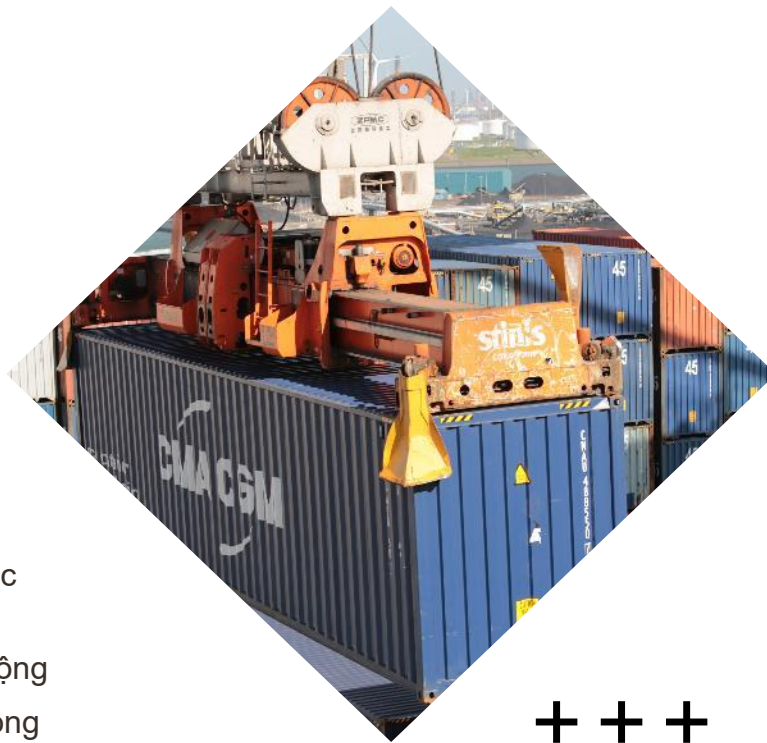
Căn cứ 1 - Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ logistics Việt Nam



Đặc điểm

Cam kết mở cửa nhưng giữ lại không gian cho nhà đầu tư trong nước thông qua:

- Các ràng buộc về tỷ lệ vốn nước ngoài tối đa
- Các giới hạn về phạm vi hoạt động
- Các yêu cầu về nhân sự, lao động



+++



Ý nghĩa

Các giới hạn bắt buộc đối với đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ >>> Cơ hội hợp tác, liên doanh của DN nội địa

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

+++

Đánh giá chung



Cam kết nền

Cơ bản tương tự WTO



Cam kết riêng

- Cam kết mở cửa rộng hơn WTO (WTO +) ở các lĩnh vực vận tải biển, hỗ trợ vận tải biển, hỗ trợ vận tải đa phương thức
- Cam kết mở cửa tương tự WTO ở các lĩnh vực vận tải đường bộ, sắt, hàng không
- Cam kết mở cửa trong EVFTA-UKVFTA rộng hơn hoặc bằng cam kết trong CPTPP ở phần lớn các lĩnh vực (ngoại trừ dịch vụ vận tải hàng không của hãng hàng không

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

Cam kết mở cửa dịch vụ vận tải biển EVFTA (CPC 7211-7212)



Cam kết WTO (lộ trình 17/6/2021)

EVFTA

Phương thức 1 – Cung cấp qua biên giới

(1) Chỉ cho phép dịch vụ vận tải hàng hóa quốc tế

(1) Mở hoàn toàn

Phương thức 3 – Đầu tư

(3) Điều kiện thành lập các công ty vận hành đội tàu treo cờ Việt Nam

- Chỉ được thành lập liên doanh, vốn nước ngoài đến 49%
- Thuyền viên quốc tịch nước ngoài không quá 1/3 định biên tàu; thuyền trưởng hoặc thuyền phó thứ nhất phải là công dân Việt Nam

(3) Tương tự WTO trừ:
Được thành lập liên doanh vốn nước ngoài đến 70%

(3) Điều kiện mở các hình thức hiện diện thương mại khác để hoạt động vận tải biển quốc tế (liên quan tới hàng hóa do công ty vận tải biển nước ngoài vận chuyển và cần thiết để cung cấp dịch vụ vận tải tích hợp cho khách hàng của họ, trong đó vận tải biển quốc tế là công đoạn chính và do họ cung cấp)

- **Được lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (WTO cho phép lập cả liên doanh vốn nước ngoài đến 51%)**
- Doanh nghiệp FDI này chỉ được cung cấp các dịch vụ sau:
 - Bán và tiếp thị dịch vụ vận tải biển
 - Đại diện cho chủ hàng
 - Cung cấp các thông tin
 - Chuẩn bị tài liệu liên quan tới chứng từ vận tải
 - Cung cấp dịch vụ vận tải biển (gồm cả vận tải nội địa bằng tàu mang cờ Việt Nam nếu là dịch vụ vận tải tích hợp)
 - Thay mặt công ty tổ chức cho tàu vào cảng hoặc tiếp nhận hàng
 - Đàm phán và ký hợp đồng vận tải đường bộ, sắt, thủy nội địa liên quan tới hàng hóa do công ty vận chuyển

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

Cam kết EVFTA liên quan tới Vận tải biển nội địa



Chưa
cam kết,
ngoại trừ:

Cho phép tàu EU tái phân phối container rỗng (với điều kiện những container đó không được vận chuyển có tính phí dưới dạng hàng hóa và sẽ được sử dụng để xử lý hàng hóa của hãng tàu đó) giữa cảng Quy Nhơn và cảng Cái Mép – Thị Vải.

Sau 5 năm thì giới hạn về các cảng được loại bỏ nhưng kèm điều kiện là các tàu gom hàng (tàu mẹ) phải ghé cảng biển Việt Nam.

Cho phép tàu EU cung cấp dịch vụ gom hàng bằng tàu giữa cảng Quy Nhơn và cảng Cái Mép – Thị Vải



Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

Cam kết mở cửa Dịch vụ hỗ trợ vận tải biển EVFTA



Dịch vụ	Cam kết WTO (lộ trình tại 17/6/2021)	Cam kết EVFTA
Dịch vụ xếp dỡ container (CPC 7411)	(1) Chưa cam kết	
	(3) Chỉ cho phép thành lập liên doanh vốn nước ngoài đến 50%	
Dịch vụ thông quan	(1) Chưa cam kết	
	(3) Chỉ cho phép thành lập liên doanh (không hạn chế tỷ lệ vốn nước ngoài)	
Dịch vụ đại lý hàng hải (CPC 748*)	Chưa cam kết	(1) Mở hoàn toàn
		(3) Chỉ được thành lập liên doanh với vốn nước ngoài đến 49%
Dịch vụ kho bãi container	(1) Chưa cam kết	(1) Mở hoàn toàn
	(3) Mở hoàn toàn	

Cam kết mở cửa các dịch vụ hỗ trợ vận tải EVFTA



Dịch vụ	Cam kết WTO (lộ trình 17/6/2021)	EVFTA
Dịch vụ xếp dỡ container, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay (một phần của CPC 7411)	(1) Chưa cam kết	(1) Mở hoàn toàn
	(3) Chỉ cho phép thành lập liên doanh giữa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài với đối tác Việt Nam, vốn nước ngoài đến 50%	
Dịch vụ kho bãi (CPC 742)	(1) Chưa cam kết	(1) Mở hoàn toàn
	(3) Mở hoàn toàn	
Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748)	(1) Chưa cam kết	
	(3) Mở hoàn toàn	
Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa hàng hải (CPC 741)	Chưa cam kết	(1) Mở hoàn toàn (3) Chỉ cho phép nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài lập liên doanh vốn nước ngoài đến 49%
Dịch vụ nạo vét	Chưa cam kết	(1) Chưa cam kết (3) Chỉ cho phép thành lập liên doanh giữa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài với đối tác Việt Nam, vốn nước ngoài đến 49%; đến 51% sau 05 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực



Cam kết mở cửa các dịch vụ hỗ trợ vận tải EVFTA (2)

Dịch vụ	Cam kết WTO lộ trình 24/10/2019)	EVFTA
Các dịch vụ khác (một phần của CPC 749) Gồm: kiểm tra vận đơn; dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; giám định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; giám định hàng hóa; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải	(1) Chưa cam kết ngoại trừ môi giới vận tải hàng hóa mở hoàn toàn (3) Chỉ cho phép thành lập liên doanh giữa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài với đối tác Việt Nam, không hạn chế tỷ lệ vốn nước ngoài	Mở hoàn toàn



Cam kết mở cửa DV vận tải – hỗ trợ vận tải biển CPTPP

Phương thức	Dịch vụ cụ thể	Bảo lưu trong CPTPP
Tất cả các phương thức	- Vận tải hàng hải ven bờ - Dịch vụ xây dựng, vận hành, quản lý cảng biển	Việt Nam bảo lưu các quyền sau đây đối với nhà đầu tư dịch vụ CPTPP: - Thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử (giữa trong nước và nước ngoài, giữa nước ngoài với nhau); - Yêu cầu hiện diện tại địa phương - Yêu cầu phải sử dụng người quản lý là người Việt Nam hoặc thường trú ở Việt Nam - Đặt ra các yêu cầu về hoạt động (yêu cầu phải thực hiện một số điều kiện để được cấp phép hoặc hưởng ưu đãi) Tương tự WTO, EVFTA
Hiện diện thương mại	Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đội tàu treo cờ VN	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% (bằng WTO, thấp hơn mức 70% trong EVFTA)
	Đại lý hàng hải	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% (bằng EVFTA; WTO chưa cam kết mở lĩnh vực này)



Cam kết mở cửa thị trường vận tải đường sắt – đường bộ CPTPP

Phương thức	Dịch vụ cụ thể	Bảo lưu trong CPTPP
Tất cả các phương thức	- Các dịch vụ kinh doanh hạ tầng đường sắt - Vận tải hành khách bằng đường sắt - Các dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ nội địa (ngoại trừ các dịch vụ dưới đây)	Việt Nam bảo lưu các quyền sau đây đối với nhà đầu tư dịch vụ CPTPP: - Thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử (giữa trong nước và nước ngoài, giữa nước ngoài với nhau); - Yêu cầu hiện diện tại địa phương - Yêu cầu phải sử dụng người quản lý là người Việt Nam hoặc thường trú ở Việt Nam - Đặt ra các yêu cầu về hoạt động (yêu cầu phải thực hiện một số điều kiện để được cấp phép hoặc hưởng ưu đãi) Tương tự WTO, EVFTA
Hiện diện thương mại	Vận tải hàng hóa bằng đường sắt	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% (bằng WTO, EVFTA)
	Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% - riêng vận tải hàng hóa có thể lên 51% tùy nhu cầu của VN (bằng WTO, EVFTA)

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức



Cam kết mở cửa thị trường vận tải thủy nội địa CPTPP

Phương thức	Dịch vụ cụ thể	Bảo lưu trong CPTPP
Tất cả các phương thức	Dịch vụ vận tải ven bờ Dịch vụ cho thuê tàu có kèm thủy thủ (CPC 7223) Dịch vụ xây dựng, vận hành, quản lý cảng sông	Việt Nam bảo lưu các quyền sau đây đối với nhà đầu tư dịch vụ CPTPP: - Thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử (giữa trong nước và nước ngoài, giữa nước ngoài với nhau); - Yêu cầu hiện diện tại địa phương - Yêu cầu phải sử dụng người quản lý là người Việt Nam hoặc thường trú ở Việt Nam - Đặt ra các yêu cầu về hoạt động (yêu cầu phải thực hiện một số điều kiện để được cấp phép hoặc hưởng ưu đãi) Tương tự WTO, EVFTA
Hiện diện thương mại	Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường thủy nội địa	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% (tương tự WTO, EVFTA)



Căn cứ 2 – Cam kết mở cửa dịch vụ logistics của Đối tác cho Việt Nam



Đặc điểm

- Mở cửa rộng hơn cho nhà đầu tư VN
- Các chuẩn đối xử tối thiểu



+++



Ý nghĩa

- Quyền tiếp cận thị trường và cơ hội kinh doanh lớn hơn, ưu tiên hơn
- Khung khổ ổn định, an toàn cho đầu tư

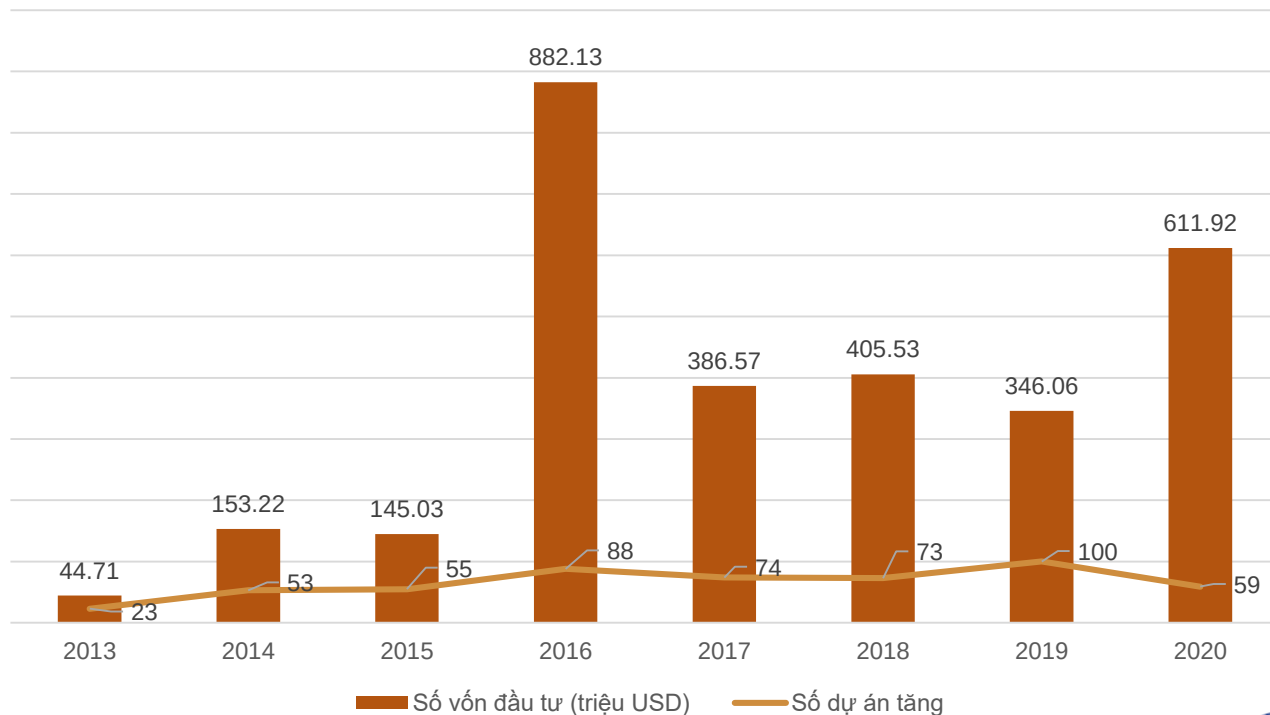


Dịch vụ	EU-UK mở cửa cho VN cung cấp dịch vụ qua biên giới (mode 1-2)	EU-UK mở cửa cho VN đầu tư (mode 3)
DỊCH VỤ VẬN TẢI		
A. Vận tải biển a) Vận tải hành khách quốc tế (CPC 7211 trừ vận tải nội địa) b) Vận chuyển hàng hóa quốc tế (CPC 7212 trừ vận tải nội địa)	Không hạn chế	Tại AT, BE, BG, CY, CZ, DE, DK, EE, ES, FI, FR, EL, HU, IE, IT, LT, LU, NL, PL, PT, RO, SE, SI, SK, UK: Chưa cam kết đối với việc thành lập công ty đăng ký vì mục đích vận hành đội tàu sử dụng cờ quốc gia của Nhà nước nước thành lập công ty đó.
B. Vận tải đường sắt a) Vận tải hành khách (CPC 7111) b) Vận tải hàng hóa (CPC 7112)	Đối với phương thức 1: Chưa cam kết Đối với phương thức 2: Không hạn chế.	Tại BG, SK: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp (yêu cầu thành lập dưới dạng công ty). Tại HR: Chưa cam kết. Tại LT: Đặc quyền cung cấp dịch vụ quá cảnh dành cho công ty kinh doanh dịch vụ đường sắt được sở hữu, hoặc có cổ phần sở hữu 100%, bởi Nhà nước.
C. Vận tải đường bộ a) Vận tải hành khách (CPC 7121 và CPC 7122) b) Vận tải hàng hoá (CPC 7123, không bao gồm vận chuyển bưu chính và vật phẩm chuyển phát nhanh vào tài khoản riêng)		Vận tải hàng hóa: Tại AT và BG: Độc quyền và/hoặc ủy quyền chỉ có thể dành cho công dân của các nước thành viên EU và cho các pháp nhân EU có trụ sở tại EU. Tại BG: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp (Yêu cầu thành lập dưới dạng công ty) Tại FI, LV: Phải được sự ủy quyền, không dành cho các phương tiện cơ giới đã đăng ký của nước ngoài. Tại LV, SE: Áp dụng yêu cầu đối với các thực thể đã thành lập phải sử dụng phương tiện cơ giới có đăng ký quốc gia. Tại IT, SK: Áp dụng yêu cầu kiểm tra nhu cầu kinh tế. Tiêu chí chính: nhu cầu địa phương. Tại CZ: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp (Yêu cầu thành lập dưới dạng công ty)

Dịch vụ	EU-UK mở cửa cho VN cung cấp dịch vụ qua biên giới (mode 1-2)	EU-UK mở cửa cho VN đầu tư
DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI		
A. Dịch vụ phụ trợ cho vận tải biển a) Dịch vụ bốc xếp hàng hóa bằng đường biển b) Dịch vụ kho hàng và lưu Kho (một phần CPC 742) c) Dịch vụ thông quan d) Dịch vụ kho bãi công-tennơ e) Dịch vụ đại lý hàng hải f) Dịch vụ giao nhận vận tải hàng hải g) Cho thuê tàu với thủy thủ Đoàn (CPC 7213) h) Dịch vụ lai dắt (CPC 7214) i) Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải Biển (một phần CPC 745) j) Các dịch vụ hỗ trợ và phụ trợ khác (một phần CPC 749)	Đối với phương thức 1: Tại EU: Chưa cam kết* cho các dịch vụ bốc xếp hàng hóa đường biển và dịch vụ lai dắt. Tại SE: Không hạn chế ngoại trừ lai dắt và cho thuê tàu với đoàn thủy thủ nơi SE có những hạn chế về vận tải đường biển nội địa và treo cờ. Tại AT, BG, CY, CZ, DE, EE, HU, LT, MT, PL, RO, SI, SK: Chưa cam kết với cho thuê tàu với thủy thủ đoàn. Tại HR: Chưa cam kết trừ dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Đối với phương thức 2: Không hạn chế  	Tại AT, BE, BG, CY, CZ, DE, DK, EE, EL, ES, FI, FR, HU, IE, IT, LT, LU, MT, NL, PL, PT, RO, SE, SI, SK, UK: Chưa cam kết đối với việc thành lập công ty được đăng ký vì mục đích vận hành đội tàu sử dụng cờ quốc gia của nước thành lập. Tại IT: Áp dụng yêu cầu kiểm tra nhu cầu kinh tế dành cho dịch vụ bốc xếp hàng hóa đường biển Tại BG: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp (yêu cầu thành lập dưới dạng công ty). Đối với Dịch vụ Đại lý hàng hải, công ty vận tải biển Việt Nam có quyền thành lập văn phòng chi nhánh hoạt động như đại lý cho văn phòng trụ sở chính. Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng hải yêu cầu việc sử dụng tàu có thể được cung cấp bởi các tàu vận hành treo cờ Bun-ga-ri. Áp dụng điều kiện về quốc tịch. Tại HR: Chưa cam kết đối với Dịch vụ Thông quan, Dịch vụ kho bãi công-tennơ và kho hàng và lưu kho, Dịch vụ Đại lý hàng hải và Dịch vụ Giao nhận vận tải hàng hải. Đối với Dịch vụ bốc xếp hàng hóa đường biển, Dịch vụ Lưu kho và lưu trữ, các dịch vụ hỗ trợ và phụ trợ khác (bao gồm dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống), Dịch vụ lai dắt và các dịch vụ hỗ trợ dành cho vận tải hàng hải: Không hạn chế, ngoại trừ yêu cầu pháp nhân người nước ngoài đó phải thành lập một công ty tại Cờ-roát-ti-a được hưởng miễn trừ bởi cơ quan chính quyền cảng, sau khi tham gia một quy trình đấu thầu công khai. Số lượng nhà cung cấp dịch vụ có thể bị hạn chế do giới hạn về công suất của cảng. Tại SI: Chỉ pháp nhân thành lập tại Xi-lô-ven-ni-a (không phải chi nhánh) có thể thực hiện thông quan. Tại FI: Chỉ các tàu vận hành treo cờ của Phần Lan mới được cung cấp dịch vụ.
 Cơ hội thị trường	 Cơ hội đầu tư, kinh doanh	 Thách thức

Dịch vụ	EU-UK mở cửa cho VN cung cấp dịch vụ qua biên giới (mode 1-2)	EU-UK mở cửa cho VN đầu tư
B. Dịch vụ phụ trợ cho vận tải đường sắt a) Dịch vụ bốc xếp hàng hóa (một phần CPC 741) b) Dịch vụ kho hàng và lưu kho (một phần CPC 742) c) Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (một phần CPC 748) d) Dịch vụ kéo, dắt phương tiện (CPC 7113) e) Dịch vụ hỗ trợ cho các dịch vụ vận tải đường sắt (CPC 743) f) Dịch vụ hỗ trợ và phụ trợ khác (một phần CPC 749)	Đối với phương thức 1 Tại EU: Chưa cam kết với dịch vụ lai đất. Tại CZ: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp (yêu cầu thành lập dưới dạng công ty). Tại HR: Chưa cam kết, trừ các dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Đối với phương thức 2: Không hạn chế.	Tại BG: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp (yêu cầu thành lập dưới dạng công ty). Tham gia góp vốn vào công ty Bun-ga-ri giới hạn ở 49 phần trăm. Tại CZ: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp (yêu cầu thành lập dưới dạng công ty) Tại HR: Chưa cam kết dành cho dịch vụ đẩy và kéo. Tại SI: Chỉ pháp nhân thành lập tại Xi-lô-ven-ni-a (không phải chi nhánh) mới có thể thực hiện thông quan  
C. Dịch vụ phụ trợ cho vận tải đường bộ a) Dịch vụ bốc xếp hàng hóa (một phần CPC 741) b) Dịch vụ kho hàng và lưu kho (một phần CPC 742) c) Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (một phần CPC 748) d) Cho thuê phương tiện đường bộ thương mại kèm người điều khiển (CPC 7124) e) Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường bộ (CPC 744) f) Dịch vụ hỗ trợ và phụ trợ khác (một phần CPC 749)	Đối với phương thức 1 Tại AT, BG, CY, CZ, EE, HU, LT, LV, MT, PL, RO, SE, SI, SK: Chưa cam kết với việc cho thuê phương tiện đường bộ thương mại có lái xe. Tại HR: Chưa cam kết trừ các dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường bộ mà có thể cho phép. Tại CZ: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp (yêu cầu thành lập dưới dạng công ty). Đối với phương thức 2: Không hạn chế.	Tại AT: Đối với việc cho thuê các phương tiện vận tải đường bộ thương mại có người điều khiển, ủy quyền chỉ dành cho các công dân của các nước thành viên của EU, và các pháp nhân của EU có trụ sở tại EU. Áp dụng điều kiện về quốc tịch Tại BG: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp (yêu cầu thành lập dưới dạng công ty). Tham gia góp vốn vào công ty của Bulgari giới hạn ở 49 phần trăm. Áp dụng điều kiện về quốc tịch. Tại CZ: Chưa cam kết đối với việc thành lập chi nhánh trực tiếp Tại FI: Đối với việc cho thuê các phương tiện vận tải đường bộ thương mại có người điều khiển, yêu cầu có ủy quyền, nhưng không dành cho các phương tiện vận tải đăng ký của nước ngoài. Tại HR: Chưa cam kết đối với việc cho thuê các phương tiện vận tải đường bộ thương mại có người điều khiển. Tại MT: Áp dụng điều kiện về quốc tịch. Tại SI: Chỉ pháp nhân thành lập tại Slovenia (không phải chi nhánh) mới có thể thực hiện thông quan.
 Cơ hội thị trường	 Cơ hội đầu tư, kinh doanh	 Thách thức

Tình hình thu hút FDI vào lĩnh vực vận tải kho bãi 2013-2020





Một vài ví dụ về FDI hạ tầng logistics



Dự án Trung tâm Logistics
ECPVN Bình Dương 2: 34,4 triệu
(Emergent Vietnam Logistics
Development Pte - Singapore)



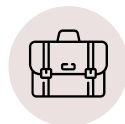
Dự án Khu công nghiệp
Binh Duong Industrial Park
(Frasers Property Vietnam)

+ + +



+ + +

Dự án cung cấp cơ sở hạ tầng cho
logistics và công nghiệp nhẹ tại
HCN Mỹ Phước 4 (ESR Cayman
Ltd và Cty CP PTCN BW)



03 kho bãi mới 38.000m2 tại
Bình Dương và Bắc Ninh
(Maersk)

Căn cứ 3 – Chính sách của Chính phủ VN



Các biện pháp thực thi cam kết CPTPP, EVFTA

- Về hải quan và tạo thuận lợi thương mại
- Về các hàng rào phi thuế quan

+++



Các giải pháp cải thiện hạ tầng logistics, giảm chi phí logistics cho DN

- Các dự án đường cao tốc, logistics lớn
- Các Quy hoạch trung tâm logistics của các địa phương

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

Một vài ví dụ về các chính sách, pháp luật mới về logistics



Văn bản pháp luật

- Nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô
- Nghị định 67/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 68/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
- Quyết định 09/2020/QĐ-TTg về việc thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng
- Thông tư 21/2020/TT-BGTVT sửa đổi một số Thông tư liên quan tới vận chuyển, vận tải hàng không



Chính sách

- Chỉ thị 37/CT-TTg ngày 29/9/2020 về thúc đẩy phát triển vận tải thủy nội địa và vận tải ven biển bằng phương tiện thủy nội địa
- Các Nghị quyết 01/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2020, 2021
- Thúc đẩy tiến độ các dự án hạ tầng lớn: Đường cao tốc Bắc-Nam, sân bay Long Thành
- Dự thảo Quy hoạch giao thông đường bộ 2021-2030: 42 đường cao tốc?

+ + + Hỏi & Đáp



03

Các FTA và Thách thức với ngành logistics





Thách thức chủ quan

Năng lực cạnh tranh

- Năng lực đáp ứng đơn hàng?
- Cạnh tranh với hãng nước ngoài?
- Nguồn lực để đầu tư cải thiện năng lực cạnh tranh?



- Hợp tác giữa các DN trong nước?
- Hợp tác liên doanh với nước ngoài: thực chất vs. hình thức?
- Khả năng nhận chuyển giao công nghệ từ đối tác nước ngoài?

Khả năng đầu tư, hợp tác



Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

Thách thức

+

+

+

Thách thức khách quan

Sức ép từ FTA



Các cam kết mở cửa rộng hơn cho các hãng logistics nước ngoài



Các cam kết về chuẩn đối xử tối thiểu đối với nhà đầu tư nước ngoài



Thách thức khách quan bên ngoài FTA

Tại sao chi phí logistics ở Việt Nam cao?

- Cơ sở hạ tầng cảng (đặc biệt là cảng biển) chi phí cao
- Kết nối hạ tầng yếu
- Khả năng xếp dỡ và trung chuyển container hạn chế
- Kết nối phương tiện kém (do phần lớn hàng vận chuyển dạng rời)
- Mức độ container hóa thấp (do thiếu cơ sở hạ tầng, dịch vụ đóng gói, xử lý container)

VCCI, 2019

Môi trường kinh doanh

- Thủ tục xuất nhập khẩu
- Chi phí kinh doanh (chính thức và không chính thức)

Cơ sở hạ tầng logistics

Cơ hội thị trường

Cơ hội đầu tư, kinh doanh

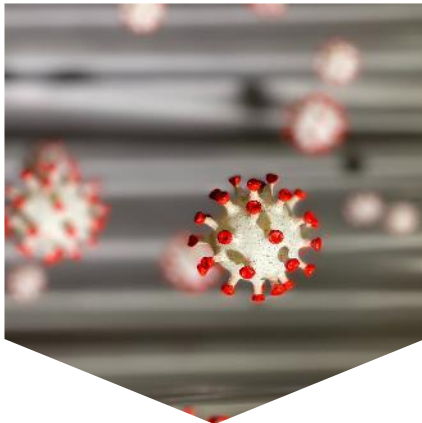
Thách thức

Thách thức khách quan bên ngoài FTA (2)

+

+

+



Dịch COVID-19

- Khối lượng – dòng hàng hóa không ổn định
- Các biện pháp phòng dịch đối với hàng hóa và con người
- Thiếu container rỗng



Khác

- Các sự cố hàng hải
- Biến động trong nguồn cung và giá cả nguyên phụ liệu

+

+

+

+ + + Hỏi & Đáp



XIN CẢM ƠN

+ + + + +



**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

ADDRESS

9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

PHONE NUMBER

024 3577 1458

EMAIL ADDRESS

banthuky@trungtamwto.vn

WEBSITE

trungtamwto.vn / wtocenter.vn

